TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 149/2025/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 28 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 361; Khoản 4, Điều 396 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm: 1971; Địa chỉ: D3/1 khu phố A, thị trấn Tân T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1981; Địa chỉ: D3/1 khu phố A, thị trấn Tân T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2013, quyển số I/2013 do Ủy ban nhân dân xã Thuận T, huyện T, tỉnh Vĩnh L cấp ngày 01/4/2013 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B là hợp pháp.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2025, ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B thống nhất thỏa thuận:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 02/5/2011, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tuấn N thống nhất thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn A.

Ông Nguyễn Tuấn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung Nguyễn Tuấn A đủ 18 tuổi, có khả năng

lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Trường hợp ông Nguyễn Tuấn N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Nguyễn Tuấn N có N vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Tuấn N chậm thực hiện N vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Nguyễn Tuấn N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Tuấn N có quyền, N vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tuấn Anh, không ai có quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung và các N vụ dân sự chung khác: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B cùng chịu.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 02/5/2011, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Tuấn N thống nhất thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn A.

Ông Nguyễn Tuấn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung Nguyễn Tuấn A đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Trường hợp ông Nguyễn Tuấn N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo

thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Nguyễn Tuấn N có N vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Tuấn N chậm thực hiện N vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Nguyễn Tuấn N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Tuấn N có quyền, N vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tuấn Anh, không ai có quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các N vụ dân sự chung khác: Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051779 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Thuận T, huyện T, tỉnh Vĩnh L;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự (15).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Sơn